

Số: /TTr-BTNMT

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

DỰ THẢO 3
(Bộ Tư pháp thẩm định)

TỜ TRÌNH

Về việc ban hành Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước

Kính gửi: Chính phủ

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020; Luật Tài nguyên nước ngày 27 tháng 11 năm 2023, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2024; Quyết định số 19/QĐ-TTg ngày 08/01/2024 về Ban hành Danh mục và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết thi hành các luật, nghị quyết được Quốc hội khóa XV thông qua tại Kỳ họp thứ 6, thực hiện Chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật năm 2024 của Chính phủ, theo đó, Chính phủ giao Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì, xây dựng Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên nước. Thực hiện nhiệm vụ được giao, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã ban hành Quyết định số 3726/QĐ-BTNMT ngày 07 tháng 12 năm 2023 thành lập Ban soạn thảo, Tổ biên tập Nghị định với đại diện của các Bộ, ngành có liên quan, Liên đoàn thương mại và công nghiệp Việt Nam và đã xây dựng các dự thảo Nghị định theo đúng quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, đến nay dự thảo Nghị định đã hoàn thành, Bộ Tài nguyên và Môi trường kính trình Chính phủ như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ ĐỊNH

Luật Tài nguyên nước số 28/2023/QH15 được Quốc hội khóa XV thông qua tại kỳ họp thứ 6 ngày 27 tháng 11 năm 2023, thay thế Luật Tài nguyên nước năm 2012. Luật có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2024 với nhiều nội dung mới liên quan đến bốn nhóm chính sách (Bảo đảm an ninh nguồn nước; xã hội hóa ngành nước; kinh tế tài nguyên nước; bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống tác hại do nước gây ra). Luật đã giao Chính phủ hướng dẫn chi tiết 20 nội dung, trong đó một số nội dung đã được quy định tại các Văn bản hướng dẫn thi hành Luật Tài nguyên nước năm 2012.

Trên cơ sở các quy định của Luật Tài nguyên nước năm 2012, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã xây dựng, trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban

hành hoặc Bộ ban hành theo thẩm quyền **70** văn bản để quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành và triển khai Luật (**14** Nghị định, **21** Quyết định của Thủ tướng và **35** Thông tư). Sau hơn 10 năm tổ chức triển khai thực hiện các văn bản hướng dẫn thi hành Luật đã đạt được một số kết quả trong công tác quản lý tài nguyên nước, đặc biệt là đã nâng cao ý thức trách nhiệm trong khai thác, sử dụng và bảo vệ tài nguyên nước của các tổ chức, cá nhân; công tác quản lý nhà nước về tài nguyên nước tiếp tục được tăng cường hiệu lực, hiệu quả, thể hiện trên các mặt chủ yếu như sau:

- Về điều tra cơ bản tài nguyên nước: đã ban hành được danh mục lưu vực sông liên tỉnh; danh mục lưu vực sông nội tỉnh; danh mục nguồn nước liên tỉnh, danh mục nguồn nước liên quốc gia (nguồn nước mặt). Việc tổng kiểm kê tài nguyên nước quốc gia cũng đang được tiến hành theo Quyết định 1383/QĐ-TTg ngày 04 tháng 8 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án tổng kiểm kê tài nguyên nước quốc gia, giai đoạn đến năm 2025; việc xây dựng mạng quan trắc tài nguyên nước đang thực hiện theo Quy hoạch mạng lưới trạm quan trắc tài nguyên và môi trường quốc gia giai đoạn 2016-2025, tầm nhìn đến năm 2030, đến nay đã đầu tư xây dựng và đưa vào vận hành 23 trạm tài nguyên nước mặt độc lập, 23 trạm thủy văn lồng ghép trạm tài nguyên nước mặt ở 11 lưu vực sông liên tỉnh và một số kết quả khác trong hoạt động điều tra cơ bản tài nguyên nước đang thực hiện ở Trung ương và địa phương.

- Về công tác quy hoạch, đã có 10/15 quy hoạch về tài nguyên nước đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt (quy hoạch tài nguyên nước; quy hoạch tổng thể điều tra cơ bản tài nguyên nước; quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh, nguồn nước liên tỉnh của 08 lưu vực sông: Bằng Giang - Kỳ Cùng, Sê San, Srepok, Hồng - Thái Bình, Cửu Long, Mã, Hương, Đồng Nai).

- Về điều phối, giám sát trên lưu vực sông: đã trình Thủ tướng Chính phủ ban hành 11 Quy trình vận hành liên hồ chứa trên 11 lưu vực sông, theo đó tổng dung tích phòng lũ, cắt giảm lũ cho hạ du theo quy định của các Quy trình khoảng 14,6 tỷ m³, bằng khoảng 27% tổng dung tích hữu ích của các hồ (có lưu vực tỷ lệ này 45%, 68%); đã có khoảng 500/1.200 công trình khai thác, sử dụng nước thuộc quy mô cấp phép của Bộ Tài nguyên và Môi trường đã hoàn thành việc lắp đặt thiết bị quan trắc tự động việc khai thác, sử dụng nước, thực hiện kết nối về hệ thống giám sát của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Bên cạnh đó, thông tin, số liệu về nguồn nước, vận hành của khoảng 134 hồ chứa, đập dâng lớn, quan trọng trên 11 lưu vực sông lớn đã được quản lý, giám sát thông qua hệ thống quản lý thông tin, dữ liệu vận hành hồ chứa đã phục vụ đắc lực trong công tác giám sát, vận hành các hồ chứa. Đồng thời các thông tin, dữ liệu này cũng góp phần quan trọng trong công tác dự báo, cảnh báo khí tượng, thủy văn trên phạm vi cả nước.

- Về lập hành lang bảo vệ nguồn nước: đến nay, đã có 49/63 tỉnh đã phê duyệt Danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ. Hầu hết các hồ thủy

điện đang hoạt động (trên 1 triệu m³) đã và đang hoàn thành việc cắm mốc hàng lang.

- Về phê duyệt vùng bảo hộ vệ sinh khu vực ;ấu nước sinh hoạt: đã có 46/63 tỉnh, thành đã thực hiện việc phê duyệt vùng bảo hộ vệ sinh lấy nước sinh hoạt cho các công trình thuộc đối tượng trên địa bàn tỉnh;

- Về ban hành công bố danh mục vùng hạn chế khai thác nước dưới đất: đã có 38/63 tỉnh, thành đã ban hành Quyết định công bố danh mục vùng hạn chế khai thác nước dưới đất;

- Về ban hành danh mục ao, hồ, đầm phá không được san lấp: có 55/63 tỉnh, thành phê duyệt và công bố danh mục hồ, ao, đầm phá không được san lấp;

- Về công bố dòng chảy tối thiểu trên sông, suối: có 09/63 tỉnh, thành đã ban hành danh mục dòng chảy tối thiểu trên sông suối nội tỉnh theo thẩm quyền.

- Việc điều hoà, phân bổ tài nguyên nước bảo đảm công bằng trong khai thác, sử dụng nước đã từng bước được hoàn thiện. Việc ban hành và thực hiện theo quy định của Quy trình vận hành liên hồ chứa trên 11 lưu vực sông có ý nghĩa hết sức quan trọng nhằm bảo đảm điều hoà, phân bổ nguồn nước cũng như sử dụng tổng hợp nguồn nước và phòng chống tác hại do nước gây ra.

- Đồng thời, Bộ Tài nguyên và Môi trường và các địa phương đã đẩy mạnh triển khai công tác thanh tra, kiểm tra định kỳ và đột xuất; xử lý các vi phạm của các cơ sở khai thác, sử dụng tài nguyên nước không có giấy phép và không chấp hành các quy định pháp luật về tài nguyên nước có liên quan theo quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước và khoáng sản.

1. Căn cứ chính trị, pháp lý

Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đã chỉ rõ “Chủ động thích ứng có hiệu quả với biến đổi khí hậu, phòng chống và giảm nhẹ thiên tai, dịch bệnh, *quản lý, khai thác, sử dụng hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả và bền vững tài nguyên; lấy bảo vệ môi trường sống và sức khoẻ nhân dân làm mục tiêu hàng đầu*; kiên quyết loại bỏ những dự án gây ô nhiễm môi trường, bảo đảm chất lượng môi trường sống, bảo vệ đa dạng sinh học và hệ sinh thái; xây dựng nền kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, thân thiện với môi trường”.

Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 03 tháng 6 năm 2013 của Hội nghị Trung ương 7 khóa XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường, nêu rõ: “*Đổi mới, hoàn thiện cơ chế, chính sách tài chính, tăng cường và đa dạng hóa nguồn lực cho ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường; quán triệt và vận dụng có hiệu quả các nguyên tắc: người gây ô nhiễm phải trả chi phí để xử lý, khắc phục hậu quả, cải tạo và phục hồi môi trường; người được hưởng lợi từ tài nguyên, môi trường phải có nghĩa vụ đóng góp để đầu tư trở lại cho quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường*”.

Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 15 tháng 01 năm 2019 của Bộ Chính trị về nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế, nêu rõ quan điểm: đa dạng hóa các hình thức huy động và sử dụng nguồn lực; thúc đẩy xã hội hóa, thu hút mạnh mẽ các nguồn lực đầu tư ngoài nhà nước; áp dụng nguyên tắc thị trường trong quản lý, khai thác, sử dụng các nguồn lực cho phát triển; Đẩy mạnh kinh tế hóa nguồn vật lực, trong đó tập trung vào nguồn lực tài nguyên thiên nhiên; tất cả các nguồn lực được quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng tiết kiệm hợp lý, phát huy tối đa hiệu quả và phát triển bền vững. Đồng thời, Nghị quyết cũng đưa ra các giải pháp như: sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện luật pháp, cơ chế, chính sách để khơi thông, giải phóng tối đa và nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực hiện có, phù hợp với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; thực hiện công khai, minh bạch trong quản lý, khai thác, sử dụng các nguồn lực của đất nước; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, phương pháp quản lý hiện đại,...

Kết luận số 36-KL/TW ngày 23 tháng 6 năm 2022 của Bộ Chính trị về bảo đảm an ninh nguồn nước và an toàn hồ đập, hồ chứa nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, trong đó nêu giải pháp rà soát, hoàn thiện hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách liên quan đến an ninh nguồn nước và an toàn đập, hồ chứa nước bảo đảm đồng bộ, khả thi. Xây dựng và hoàn thiện chính sách khuyến khích thu hút nguồn lực để đầu tư các dự án trọng điểm liên kết, kết nối nguồn nước liên tỉnh, liên vùng,...

Nghị quyết số 06/NQ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW của Ban chấp hành Trung ương Đảng Khóa XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường theo kết luận số 56-KL/TW ngày 23/8/2019 của Bộ Chính trị nêu các giải pháp, nhiệm vụ về ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng chống và giảm nhẹ thiên tai, trong đó cần tập trung hoàn thiện chính sách pháp luật, kiện toàn hệ thống cơ quan quản lý nhà nước về ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường; hoàn thiện cơ chế để thực hiện minh bạch hóa *trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên, đặc biệt đối với tài nguyên đất, tài nguyên khoáng sản và tài nguyên nước.*

Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 20 tháng 5 năm 2021 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng nêu rõ *“khai thác và sử dụng hiệu quả, bền vững các nguồn tài nguyên quốc gia (đất, nước, khoáng sản) theo nguyên tắc thị trường... Bảo đảm an ninh nguồn nước quốc gia và an toàn đập, hồ chứa nước; tăng cường hợp tác quốc tế về sử dụng nguồn nước xuyên biên giới”*.

Nghị quyết số 99/NQ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ nhiệm kỳ 2021-2026 thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2026 nêu giải pháp *đẩy mạnh rà soát, bổ sung hoàn thiện các quy định của pháp luật theo hướng vướng mắc ở cấp, ngành nào thì cấp ngành đó chủ động, tích*

cực sửa đổi, hoàn thiện, nghiên cứu khẩn trương sửa đổi, thay thế cơ chế, chính sách không còn phù hợp với thực tiễn để tháo gỡ điểm nghẽn và giải quyết những vấn đề tồn đọng gây thất thoát, lãng phí, bảo đảm tổng thể, toàn diện và sự thống nhất trong hệ thống pháp luật.

Như vậy, cần thiết phải cập nhật, thể chế hóa quan điểm, chủ trương, chính sách mới của Đảng và Nhà nước về quản lý khai thác và bảo vệ tài nguyên nước. Trong đó, cần nghiên cứu, sửa đổi Nghị định hướng dẫn Luật Tài nguyên nước theo hướng bổ sung hoàn thiện cơ chế, chính sách không còn phù hợp với thực tiễn để tháo gỡ điểm nghẽn và giải quyết những vấn đề bất cập, bảo đảm tổng thể, toàn diện và sự thống nhất trong hệ thống pháp luật.

Để xây dựng dự thảo Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước, tại Quyết định số 19/QĐ-TTg ngày 08/01/2024 về Ban hành Danh mục và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết thi hành các luật, nghị quyết được Quốc hội khóa XV thông qua tại Kỳ họp thứ 6, trong đó Bộ Tài nguyên và Môi trường được giao xây dựng 16 nội dung quy định chi tiết Luật Tài nguyên nước trình Chính phủ ban hành, bao gồm:

- Khoản 9 Điều 7: Chính phủ quy định chi tiết Điều này (Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia);

- Khoản 5 Điều 9: Chính phủ quy định chi tiết khoản 3 Điều này và quy định việc lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh quy hoạch tổng thể điều tra cơ bản tài nguyên nước tại khoản 4 Điều này (Hoạt động điều tra cơ bản tài nguyên nước);

- Khoản 6 Điều 10: Chính phủ quy định chi tiết Điều này (Tổ chức thực hiện điều tra cơ bản tài nguyên nước);

- Khoản 5 Điều 17: Chính phủ quy định chi tiết việc lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh; quy định danh mục lưu vực sông liên tỉnh phải lập quy hoạch;

- Khoản 6 Điều 19: Chính phủ quy định chi tiết Điều này (Rà soát, điều chỉnh quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh);

- Khoản 9 Điều 23: Chính phủ quy định chi tiết Điều này; quy định việc xác định phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước; quy định nguồn nước phải cấm mốc giới hành lang bảo vệ và việc cấm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước (Hành lang bảo vệ nguồn nước);

- Khoản 4 Điều 30: Chính phủ quy định chi tiết Điều này (Ngưỡng khai thác nước dưới đất);

- Khoản 5 Điều 31: việc khoanh định, công bố, điều chỉnh vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất (Bảo vệ nước dưới đất);

- Khoản 8 Điều 35: Chính phủ quy định chi tiết Điều này (Điều hòa, phân phối tài nguyên nước);

- Khoản 3 Điều 37: Chính phủ quy định chi tiết Điều này; trình tự, thủ tục, thẩm quyền chấp thuận nội dung về phương án chuyển nước (Chuyển nước lưu vực sông);

- Khoản 10 Điều 38: Chính phủ quy định chi tiết khoản 4, điểm a khoản 7, khoản 8 và khoản 9 Điều này (Quy trình vận hành đập, hồ chứa, liên hồ chứa);

- Khoản 3 Điều 51: Chính phủ quy định đối tượng, quy mô, chế độ, thông số, chỉ tiêu quan trắc, giám sát khai thác tài nguyên nước, chất lượng nước và lộ trình thực hiện;

- Khoản 10 Điều 63: Chính phủ quy định chi tiết khoản 6 Điều này (Phòng, chống hạn hán, thiếu nước, lũ, lụt, ngập úng nhân tạo);

- Khoản 6 Điều 66: Chính phủ quy định chi tiết khoản 1 và khoản 2 Điều này (Phòng, chống sạt, lở lòng, bờ, bãi sông, hồ);

- Khoản 5 Điều 71: Chính phủ quy định chi tiết Điều này và lộ trình thực hiện việc hạch toán tài nguyên nước (Hạch toán tài nguyên nước);

- Khoản 5 Điều 81: Chính phủ quy định chi tiết việc điều phối, giám sát hoạt động khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục tác hại do nước gây ra; quy định tổ chức và hoạt động của tổ chức lưu vực sông.

2. Căn cứ thực tiễn

Bên cạnh các kết quả đạt được, trong quá trình thực hiện các Nghị định trước đây của Chính phủ cũng có những vướng mắc nhất định cần phải được rà soát kế thừa hoặc bổ sung các quy định mới cho phù hợp với Luật Tài nguyên nước năm 2023 và điều kiện phát triển của kinh tế-xã hội như:

- Các Nghị định hiện hành chưa có quy định cụ thể về trách nhiệm, kinh phí trong hoạt động điều tra cơ bản, chưa có hướng dẫn về trình tự, thủ tục, phê duyệt quy hoạch điều tra cơ bản tài nguyên nước, quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh; chưa có quy định về điều hòa phân phối tài nguyên nước, trong đó có quy định về kịch bản tài nguyên nước; các quy định liên quan đến công cụ hỗ trợ ra quyết định cho công tác quản lý tài nguyên nước; việc vận hành hồ chứa, liên hồ chứa theo thời gian thực; quy định về hạch toán tài nguyên nước nhằm tính đúng, tính đủ giá trị của tài nguyên nước; trình tự, thủ tục chấp thuận chuyển nước lưu vực sông; quy định về lập danh mục hồ ao, đầm, phá không được san lấp; quy định về Hệ thống thông tin cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia và vấn đề chuyển đổi số.

- Một số nội dung của quy định hiện hành không còn phù hợp với thực tiễn cần phải cập nhật bổ sung để bảo đảm phù hợp với Luật Tài nguyên nước năm 2023 và các Luật mới được ban hành như quy định về hành lang bảo vệ nguồn nước cần phải cập nhật bổ sung để phù hợp với Luật Tài nguyên nước năm 2023 và Luật Đất đai năm 2023; các quy định về ngưỡng khai thác nước dưới đất và khoanh vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất; quy định về phòng,

chống sạt lở lòng, bờ, bãi sông hồ; quy định về điều phối giám sát trên lưu vực sông và hoạt động của tổ chức lưu vực sông.

Ngoài ra, một số quy định được nâng từ Thông tư lên cần phải được cập nhật, bổ sung cho phù hợp với Luật Tài nguyên nước năm 2023 và thực tiễn thi hành như quy định về điều tra cơ bản tài nguyên nước; quy định về quan trắc, giám sát tài nguyên nước; quy định liên quan đến phòng chống ngập úng khu vực đô thị.

Như vậy, để bảo đảm Luật tài nguyên nước được triển khai thi hành ngay sau khi có hiệu lực, việc xây dựng, ban hành Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên nước là hết sức cần thiết.

II. QUAN ĐIỂM, NGUYÊN TẮC XÂY DỰNG NGHỊ ĐỊNH

1. Bảo đảm sự phù hợp, đồng bộ và thống nhất với pháp luật về tài nguyên nước và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

2. Kế thừa, giữ lại những quy định còn phù hợp tại các Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Tài nguyên nước năm 2012, khắc phục những nội dung chồng chéo, mâu thuẫn với các quy định pháp luật khác có liên quan. Đồng thời, chỉ quy định chi tiết những điều, khoản mà Luật đã giao cho Chính phủ.

3. Các quy định về thủ tục hành chính trong nội dung Nghị định bảo đảm tính rõ ràng, cụ thể, dễ hiểu và minh bạch.

4. Quy định cụ thể những nội dung còn tồn tại, vướng mắc trong các Nghị định quy định chi tiết Luật Tài nguyên nước năm 2012 và phù hợp với các quy định của Luật tài nguyên nước năm 2023, đảm bảo tính đầy đủ, toàn diện, khả thi, thuận lợi cho các ngành, các cấp, các cơ quan và đặc biệt là các tổ chức cá nhân khai thác sử dụng nước trong thực thi quy định pháp luật về tài nguyên nước, đồng thời nâng cao ý thức sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả của các tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên nước, tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp.

III. QUÁ TRÌNH SOẠN THẢO

Quá trình xây dựng dự thảo Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường triển khai thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, cụ thể là:

1. Bộ Tài nguyên và Môi trường đã ban hành Quyết định số 432/QĐ-BTNMT ngày 23 tháng 02 năm 2024 phê duyệt Chương trình xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2024 thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Bộ cũng đã thành lập Ban soạn thảo và Tổ Biên tập Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên nước tại Quyết định số 3726/QĐ-BTNMT ngày 07 tháng 12 năm 2023 với đại diện của các Bộ: Tư pháp, Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Xây dựng, Bộ Tài Chính, Kế hoạch và Đầu tư; Văn phòng Chính phủ và Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam.

2. Bộ Tài nguyên và Môi trường đã rà soát các văn bản pháp luật có liên quan, xây dựng Báo cáo rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan, xây dựng Báo cáo đánh giá tác động của chính sách. Trên cơ sở các quy định của Luật Tài nguyên nước và các báo cáo, Bộ đã tổ chức xây dựng dự thảo Nghị định.

3. Ngày 18/12/2023, Bộ đã tổ chức họp Ban soạn thảo, Tổ biên tập (theo Quyết định số 3726/QĐ-BTNMT ngày 07 tháng 12 năm 2023) để thảo luận, góp ý để chỉnh lý, hoàn thiện dự thảo.

4. Ngày 28/12/2023, dự thảo (lần 2) của Nghị định đã được đăng trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ, Bộ Tài nguyên và Môi trường để lấy ý kiến đóng góp của các cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định (Công văn số 11049/BTNMT-TNN) và gửi lấy ý kiến góp ý của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân (UBND) các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (Công văn số 11050/BTNMT-TNN ngày 28/12/2023).

Ngày 30/01/2024, Bộ Tài nguyên và Môi trường gửi văn bản đôn đốc các địa phương và các Bộ, ngành có liên quan góp ý cho dự thảo Nghị định (Công văn số 706/BTNMT-TNN).

5. Trên cơ sở tiếp thu ý kiến góp ý của các Bộ, ngành, địa phương, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã hoàn thành dự thảo (lần 3) Nghị định.

6. Ngày ..., Bộ Tài nguyên và Môi trường có Công văn số .../BTNNMT-TNN gửi Bộ Tư pháp đề nghị thẩm định dự thảo Nghị định (lần 3) để hoàn thiện, trình Chính phủ.

7. Trên cơ sở ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã tiếp thu, hoàn thiện dự thảo Nghị định (lần 4), trình Chính phủ xem xét ban hành.

IV. KẾT CẤU VÀ NỘI DUNG CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

Dự thảo Nghị định bao gồm 07 chương với 105 điều, cụ thể như sau:

- Chương I: Những quy định chung (từ Điều 1 đến Điều 3).
- Chương II: Điều tra cơ bản tài nguyên nước và lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh quy hoạch có tính chất kỹ thuật chuyên ngành về tài nguyên nước (từ Điều 4 đến Điều 20).
- Chương III: Bảo vệ tài nguyên nước và phục hồi nguồn nước (từ Điều 21 đến Điều 41).
- Chương IV: Điều hòa, phân phối và khai thác, sử dụng tài nguyên nước (từ Điều 42 đến Điều 59).
- Chương V: Phòng, chống và khắc phục tác hại do nước gây ra (từ Điều 60 đến Điều 81).
- Chương VI: Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia và đối tượng, quy mô, chế độ, thông số, chỉ tiêu quan trắc, giám sát khai thác tài nguyên nước, chất lượng nước (từ Điều 82 đến Điều 102).

- Chương VII: Điều khoản thi hành (từ Điều 103 đến Điều 105).

1. Phạm vi điều chỉnh của Nghị định

Nghị định này quy định chi tiết Điều 7, khoản 5 Điều 9, Điều 10, khoản 5 Điều 17, Điều 19, khoản 9 Điều 23, Điều 30, khoản 5 Điều 31, Điều 35, khoản 3 Điều 37, khoản 10 Điều 38, khoản 3 Điều 51, khoản 10 Điều 63, khoản 6 Điều 66, khoản 5 Điều 71, khoản 5 Điều 81 Luật Tài nguyên nước về Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia; hoạt động điều tra cơ bản tài nguyên nước; việc lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh quy hoạch tổng thể điều tra cơ bản tài nguyên nước; tổ chức thực hiện điều tra cơ bản tài nguyên nước; việc lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch tổng thể điều tra cơ bản tài nguyên nước và quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh; danh mục lưu vực sông liên tỉnh phải lập quy hoạch; rà soát, điều chỉnh quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh; hành lang bảo vệ nguồn nước; việc xác định hành lang bảo vệ nguồn nước; quy định nguồn nước phải cấm mốc hành lang bảo vệ và việc cấm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước; ngưỡng khai thác nước dưới đất; xác định vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất; điều hòa, phân phối tài nguyên nước; chuyển nước lưu vực sông; quy định trình tự, thủ tục, thẩm quyền chấp thuận nội dung về phương án chuyển nước; quy trình vận hành hồ chứa, liên hồ chứa; danh mục các đập, hồ chứa phải vận hành theo quy trình vận hành liên hồ chứa; lập, điều chỉnh quy trình vận hành liên hồ chứa theo thời gian thực; xây dựng quy chế phối hợp vận hành đối với các đập, hồ chứa không nằm trong quy trình vận hành liên hồ; đối tượng, quy mô, chế độ, thông số, chỉ tiêu quan trắc, giám sát khai thác tài nguyên nước, chất lượng nước và lộ trình thực hiện; danh mục hồ, ao, đầm, phá không được san lấp; phòng, chống sạt, lở lòng, bờ, bãi sông, hồ; hạch toán tài nguyên nước và lộ trình thực hiện; việc điều phối, giám sát hoạt động khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục tác hại do nước gây ra; tổ chức và hoạt động của tổ chức lưu vực sông.

2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình và cá nhân có hoạt động liên quan đến các nội dung quy định tại Nghị định này trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

3. Nội dung của dự thảo Nghị định

Dự thảo Nghị định được kết cấu gồm 07 chương, 105 điều, cụ thể như sau:

a) Chương I. Những quy định chung (gồm 03 điều, từ Điều 1 đến Điều 3)

Chương này quy định những nội dung về phạm vi điều chỉnh (Điều 1); Đối tượng áp dụng (Điều 2); Giải thích từ ngữ (Điều 3).

b) Chương II. Điều tra cơ bản tài nguyên nước và lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh quy hoạch có tính chất kỹ thuật chuyên ngành về tài nguyên nước (gồm 2 mục, 17 điều, từ Điều 4 đến Điều 20)

Mục 1. Điều tra cơ bản tài nguyên nước quy định các nội dung về: Yêu cầu của hoạt động điều tra cơ bản tài nguyên nước (Điều 4); Điều tra, đánh giá tài nguyên nước (Điều 5); Kiểm kê tài nguyên nước (Điều 6); Xây dựng Báo cáo tài nguyên nước quốc gia và báo cáo khai thác, sử dụng tài nguyên nước của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Bộ có liên quan (Điều 7); Các hoạt động điều tra cơ bản khác (Điều 8); Kinh phí cho hoạt động điều tra cơ bản tài nguyên nước (Điều 9).

Các nội dung về điều tra cơ bản tài nguyên nước được phát triển và kế thừa một số quy định còn phù hợp của Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.

Mục 2. Lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh quy hoạch có tính chất kỹ thuật chuyên ngành về tài nguyên nước quy định các nội dung: Quy định chung về lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh quy hoạch có tính chất kỹ thuật chuyên ngành về tài nguyên nước (Điều 10); Thẩm định nhiệm vụ quy hoạch (Điều 11); Phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch (Điều 12); Lập quy hoạch (Điều 13); Lấy ý kiến về quy hoạch (Điều 14); Hội đồng tư vấn thẩm định quy hoạch (Điều 15); Nội dung thẩm định quy hoạch (Điều 16); Tổ chức thẩm định quy hoạch (Điều 17); Phê duyệt quy hoạch (Điều 18); Rà soát, điều chỉnh quy hoạch (Điều 19); Danh mục lưu vực sông liên tỉnh phải lập quy hoạch (Điều 20).

Các nội dung về quy hoạch được nghiên cứu xây dựng mới trên cơ sở các quy định của Luật Tài nguyên nước năm 2023, pháp luật về quy hoạch và tham khảo một số quy định có liên quan của các ngành khác.

c) Chương III. Bảo vệ tài nguyên nước và phục hồi nguồn nước (gồm 2 mục, 21 điều, từ Điều 21 đến Điều 41)

Mục 1. Lập quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước quy định các nội dung về: Nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ (Điều 21); Chức năng của hành lang bảo vệ nguồn nước (Điều 22); Căn cứ xác định phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước (Điều 23); Phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước đối với hồ chứa thủy điện, thủy lợi và hồ chứa khác trên sông, suối (Điều 24); Phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước đối với sông, suối, kênh, rạch (Điều 25); Phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước đối với các hồ, ao, đầm phá được xác định trong Danh mục hồ, ao, đầm, phá không được san lấp và các nguồn nước khác (Điều 26); Lập, công bố Danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ (Điều 27); Phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước trên bản đồ địa chính (Điều 28); Cấm mốc hành lang bảo vệ nguồn nước đối với đập, hồ chứa thủy điện, thủy lợi (Điều 29); Cấm mốc hành lang bảo vệ nguồn nước đối với các nguồn nước khác (Điều 30); Quản lý các hoạt động trong hành lang bảo vệ nguồn nước (Điều 31); Trách nhiệm của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân các cấp và các tổ chức, cá nhân có liên quan (Điều 32).

Các quy định về hành lang bảo vệ nguồn nước được kế thừa những quy định còn phù hợp của Nghị định số 43/2025/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định lập, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước, đồng thời, bổ sung mới những quy định phù hợp với Luật Tài nguyên nước năm 2023.

Mục 2. Ngưỡng khai thác nước dưới đất và khoanh vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất quy định các nội dung về: Xác định ngưỡng khai thác nước dưới đất (Điều 33); Phân loại vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất (Điều 34); Nguyên tắc khoanh định vùng cấm, vùng hạn chế và áp dụng biện pháp hạn chế khai thác nước dưới đất (Điều 35); Khoanh định và việc áp dụng các biện pháp trong vùng cấm khai thác nước dưới đất (Điều 36); Khoanh định và việc áp dụng các biện pháp hạn chế khai thác nước dưới đất (Điều 37); Lập Danh mục và Bản đồ phân vùng cấm, hạn chế khai thác nước dưới đất (Điều 38); Phê duyệt vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất và phương án, lộ trình tổ chức thực hiện việc cấm, hạn chế khai thác nước dưới đất (Điều 39); Trách nhiệm của bộ, cơ quan ngang bộ (Điều 40); Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp và tổ chức, cá nhân khai thác nước dưới đất (Điều 41).

Các quy định về hạn chế khai thác nước dưới đất được kế thừa một số quy định còn phù hợp của Nghị định số 167/2018/NĐ-CP ngày 26/12/2018 của Chính phủ quy định việc hạn chế khai thác nước dưới đất. Đồng thời, bổ sung những quy định mới và bỏ những nội dung không phù hợp.

Chương này cũng bổ sung các quy định mới về ngưỡng khai thác nước dưới đất, khoanh định vùng cấm khai thác nước dưới đất.

d) Chương IV. Điều hòa, phân phối và khai thác, sử dụng tài nguyên nước (gồm 3 mục 18 điều, từ Điều 42 đến Điều 59).

Mục 1. Điều hòa, phân phối tài nguyên nước quy định các nội dung về: Nguyên tắc điều hòa, phân phối tài nguyên nước (Điều 42); Kích bản nguồn nước trên lưu vực sông (Điều 43); Khung trạng thái nguồn nước và hạn ngạch khai thác tài nguyên nước (Điều 44); Kế hoạch khai thác, sử dụng tài nguyên nước của các ngành có khai thác, sử dụng nước (Điều 45); Phương án điều hoà, phân phối tài nguyên nước trên lưu vực sông (Điều 46); Trách nhiệm cung cấp thông tin, số liệu phục vụ xây dựng kịch bản nguồn nước trên lưu vực sông và phương án điều hòa, phân phối tài nguyên nước (Điều 47); Trách nhiệm xây dựng hệ thống hỗ trợ ra quyết định phục vụ điều hòa, phân phối tài nguyên nước trên nền tảng công nghệ số (Điều 48).

Mục 2. Chuyên nước lưu vực sông quy định các nội dung về: Quy mô dự án chuyên nước phải lấy ý kiến chấp thuận và thời điểm lấy ý kiến (Điều 49); Hồ sơ đề nghị chấp thuận nội dung về phương án chuyên nước (Điều 50); Nội dung và trình tự thẩm định Hồ sơ đề nghị chấp thuận nội dung về phương án chuyên nước (Điều 51); Nội dung chấp thuận về phương án chuyên nước (Điều 52); Trách nhiệm thẩm định, chấp thuận, cho ý kiến về phương án chuyên nước (Điều 53).

Mục 3. Quy trình vận hành liên hồ chứa và quy chế phối hợp vận hành giữa đập, hồ chứa bậc thang trên sông, suối. Mục này quy định các nội dung về: Quy định về hạ tầng kỹ thuật phục vụ vận hành hồ chứa, liên hồ chứa theo thời gian thực (Điều 54); Quy định việc lập, điều chỉnh quy trình vận hành hồ chứa, liên hồ chứa theo thời gian thực (Điều 55); Trình tự thẩm định phương án đề xuất điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung quy trình vận hành liên hồ chứa trên các lưu vực sông (Điều 56); Các đập, hồ chứa trên sông, suối phải xây dựng quy chế phối hợp vận hành (Điều 57); Nội dung chính của quy chế phối hợp vận hành các đập, hồ chứa trên sông, suối (Điều 58); Trình tự phê duyệt quy chế phối hợp vận hành của các đập, hồ chứa trên sông, suối (Điều 59).

Nội dung của Chương này xây dựng mới trên cơ sở các quy định của Luật Tài nguyên nước năm 2023.

đ) Chương V. Phòng, chống và khắc phục tác hại do nước gây ra (gồm 4 mục, 22 điều, từ Điều 60 đến Điều 81)

Mục 1. Danh mục hồ, ao, đầm phá không được san lấp quy định những nội dung về: Lập Danh mục hồ, ao, đầm, phá không được san lấp (Điều 60); Phê duyệt, công bố Danh mục hồ, ao, đầm, phá không được san lấp (Điều 61); Rà soát, điều chỉnh Danh mục hồ, ao, đầm, phá không được san lấp (Điều 62); Trách nhiệm của Bộ Tài nguyên và Môi trường (Điều 63); Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp (Điều 64); Trách nhiệm của đơn vị quản lý ao, hồ, đầm, phá không được san lấp (Điều 65). Đây là nội dung mới của dự thảo Nghị định.

Mục 2. Bảo vệ, phòng, chống sạt lở lòng bờ, bãi sông quy định các nội dung về: Yêu cầu chung về bảo vệ, phòng, chống sạt lở lòng, bờ, bãi sông, hồ (Điều 66); Yêu cầu đối với hoạt động khai thác cát, sỏi lòng, bãi sông (Điều 67); Yêu cầu đối với các hoạt động khai thác cát, sỏi trong lòng hồ (Điều 68); Yêu cầu đối với hoạt động mở mới và nạo vét, khơi thông luồng, tuyến giao thông thủy (Điều 69); Yêu cầu đối với hoạt động kè bờ, gia cố bờ sông, hồ; san, lấp, lấn sông hồ; cải tạo cảnh quan các vùng đất ven sông, hồ (Điều 70); Đánh giá tác động tới lòng, bờ, bãi sông, hồ (Điều 71). Các quy định về phòng, chống sạt lở lòng bờ, bãi sông được kế thừa từ các quy định của Nghị định số 23/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định về quản lý cát, sỏi lòng sông và bảo vệ lòng, bờ, bãi sông.

Mục 3. Điều phối, giám sát hoạt động khai thác, sử dụng bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục tác hại do nước gây ra, tổ chức và hoạt động của tổ chức lưu vực sông. Mục này quy định các nội dung về: Nội dung, yêu cầu đối với hoạt động điều phối, giám sát trên lưu vực sông (Điều 72); Tổ chức lưu vực sông (Điều 73); Hoạt động của Ủy ban lưu vực sông (Điều 74); Nguyên tắc làm việc của Ủy ban lưu vực sông (Điều 75). Tổ chức và hoạt động của tổ chức lưu vực sông được kế thừa các quy định của Nghị định số 02/2023/NĐ-CP,

Mục 4. Hạch toán tài nguyên nước quy định các nội dung về: Quy định chung về hạch toán tài nguyên nước (Điều 76); Hệ thống nhóm tài khoản trong hạch toán tài nguyên nước (Điều 77); Dữ liệu hạch toán tài nguyên nước (Điều 78); Kết quả hạch toán tài nguyên nước (Điều 78); Trách nhiệm tổ chức thực hiện hạch toán tài nguyên nước (Điều 80); Lộ trình thực hiện hạch toán tài nguyên nước (Điều 81). Các nội dung về hạch toán tài nguyên nước được quy định mới trên cơ sở quy định của Luật Tài nguyên nước năm 2023.

e) Chương VI. Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia và đối tượng, quy mô, chế độ, thông số, chỉ tiêu quan trắc, giám sát khai thác tài nguyên nước, chất lượng nước (gồm 2 mục, 21 điều, từ Điều 82 đến Điều 102)

Mục 1. Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia quy định các nội dung về: Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về tài nguyên nước quốc gia (Điều 82); Yêu cầu của hệ thống hạ tầng mạng, máy chủ (Điều 83); Yêu cầu cơ sở dữ liệu về tài nguyên nước quốc gia (Điều 84); Yêu cầu phần mềm quản lý (Điều 85); Yêu cầu về cổng thông tin của hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về tài nguyên nước quốc gia (Điều 86); Cơ sở dữ liệu về tài nguyên nước quốc gia (Điều 87); Thông tin, dữ liệu về tài nguyên nước (Điều 88); Thu thập thông tin, dữ liệu (Điều 89); Chia sẻ, cung cấp thông tin, dữ liệu về tài nguyên nước giữa các đơn vị, cơ quan (Điều 90); Xử lý, lưu trữ thông tin, dữ liệu (Điều 91); Quy định về khai thác và sử dụng hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia (Điều 92). Quy định về hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước là quy định mới, được quy định cụ thể để phù hợp với quy định của Luật Tài nguyên nước năm 2023.

Mục 2. Đối tượng, quy mô, chế độ, thông số, chỉ tiêu quan trắc, giám sát khai thác tài nguyên nước, chất lượng nước quy định các nội dung về: Chế độ, thông số, chỉ tiêu quan trắc tài nguyên nước (Điều 93); Đối tượng, hình thức giám sát khai thác tài nguyên nước (Điều 94); Yêu cầu đối với thiết bị đo đạc, kết nối, truyền số liệu phục vụ giám sát (Điều 95); Thông số, chỉ tiêu và chế độ quan trắc để giám sát hoạt động khai thác tài nguyên nước để cấp cho sinh hoạt (Điều 96); Thông số, chỉ tiêu và chế độ quan trắc để giám sát hoạt động khai thác nước đối với công trình hồ chứa để phát điện (Điều 97); Thông số, chỉ tiêu và chế độ quan trắc để giám sát hoạt động khai thác đối với công trình hồ chứa để sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản và cho các mục đích khác (Điều 98); Thông số, chế độ và chỉ tiêu quan trắc để giám sát hoạt động khai thác đối với công trình cống, trạm bơm và các công trình khai thác nước mặt khác (Điều 99); Thông số, chế độ và chỉ tiêu quan trắc để giám sát hoạt động khai thác nước dưới đất (Điều 100); Thông số, chỉ tiêu và chế độ quan trắc để giám sát hoạt động khai thác nước biển (Điều 101); Thông số, chỉ tiêu và chế độ quan trắc để giám sát hoạt động khai thác nước thuộc trường hợp phải đăng ký (Điều 102).

Quy định về giám sát khai thác tài nguyên nước được nghiên cứu xây dựng trên cơ sở kế thừa Thông tư số 17/2021/TT-BTNMT ngày 14/10/2021/TT-BTNMT của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về giám sát khai

thác, sử dụng tài nguyên nước. Đồng thời, có cập nhật, bổ sung những quy định mới cho phù hợp với điều kiện thực tế.

f) Chương VII. Điều khoản thi hành (gồm 3 điều, từ Điều 103 đến Điều 105).

Chương này quy định những nội dung về: Sửa đổi, bổ sung một số Nghị định có liên quan đến tài nguyên nước (Điều 103); Điều khoản chuyển tiếp (Điều 104); Điều khoản thi hành (Điều 105).

Dự thảo Nghị định không có quy định nào tạo ra sự phân biệt về giới và nội dung quy định trong dự thảo Nghị định tương thích với điều ước quốc tế có liên quan về quyền con người (công ước CEDAW) mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên. Đồng thời, nội dung của dự thảo cũng phù hợp với các điều ước quốc tế có liên quan đến tài nguyên nước mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

V. VỀ BẢO ĐẢM NGUỒN KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí bảo đảm thực hiện Nghị định do ngân sách nhà nước bảo đảm theo quy định của pháp luật. Việc thực hiện Nghị định không làm phát sinh chi phí về nguồn nhân lực, tài chính so với việc thực hiện Luật Tài nguyên nước do vẫn thực hiện các công việc theo quy định của Luật Tài nguyên nước. Việc sử dụng kinh phí cho công tác thi hành pháp luật về tài nguyên nước đúng mục đích, nội dung, chế độ và định mức chi theo quy định của pháp luật về các chế độ chi tiêu tài chính.

VI. Ý KIẾN CỦA CÁC BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CÓ LIÊN QUAN VÀ Ý KIẾN THẨM ĐỊNH CỦA BỘ TƯ PHÁP

Ngày 28/12/2023, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã có Công văn số 11050/BTNMT-TNN gửi các Bộ, ngành có liên quan, Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI), các địa phương và các cơ quan, tổ chức có liên quan đề nghị góp ý kiến đối với dự thảo Nghị định. Đồng thời, Bộ cũng đã có Công văn số 11049/BTNMT-TNN ngày 28/12/2023 gửi Cổng thông tin điện tử của Chính phủ về việc đăng tải dự thảo Nghị định trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ để lấy ý kiến.

Ngày ..., Cổng thông tin điện tử của Chính phủ có Công văn số .../TTĐT-DLĐT, theo đó không nhận được sự đóng góp ý kiến của công dân, tổ chức đối với dự thảo Nghị định.

Về các ý kiến góp ý, đến nay, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã nhận được 85/99 ý kiến góp ý bằng văn bản của 19/21 Bộ, ngành; 59/63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và 7/15 hiệp hội, hội, doanh nghiệp. Trên cơ sở các nội dung góp ý cho thấy về cơ bản các ý kiến góp ý đều thống nhất với hồ sơ Dự thảo Nghị định, đồng thời có ý kiến góp ý bổ sung để hoàn thiện, các ý kiến góp ý tập trung vào 8 nhóm nội dung chính như sau:

1. Các ý kiến liên quan đến hoạt động điều tra cơ bản tài nguyên nước

- Có ý kiến cho rằng có sự chồng chéo quy định giữa hoạt động Điều tra, đánh giá khả năng chịu tải của nguồn nước mặt và Điều tra, đánh giá khả năng chịu tải của môi trường nước mặt theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

Liên quan về vấn đề này, Bộ Tài nguyên và Môi trường thấy rằng: Theo quy định tại khoản 17 Điều 2 Luật Tài nguyên nước thì khả năng chịu tải của nguồn nước mặt là giới hạn có thể tiếp nhận thêm một lượng chất ô nhiễm mà vẫn bảo đảm chất lượng nguồn nước cho mục đích sử dụng theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.

Điều tra, đánh giá khả năng chịu tải của nguồn nước mặt là một những nội dung phục vụ công tác quản lý, bảo vệ tài nguyên nước đảm bảo thống nhất về số lượng và chất lượng (để bảo vệ nguồn nước mặt và phòng, chống suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm nguồn nước theo quy định tại Điều 21 và Điều 32). Đây là một trong các căn cứ để xác định biện pháp bảo vệ chức năng của nguồn nước, lập quy hoạch về tài nguyên nước, lập Kế hoạch bảo vệ môi trường nước mặt theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường. Kết quả đánh giá khả năng chịu tải của nguồn nước sẽ được sử dụng chung để thực hiện các nhiệm vụ bảo vệ nguồn nước, môi trường nước.

Ngoài ra, tại điểm b, điểm đ khoản 1 Điều 7 Luật Tài nguyên nước đã quy định rõ số liệu điều tra, đánh giá của các hoạt động tại điểm b, c và điểm d khoản 2 Điều 4 sẽ được tích hợp, kết nối, liên thông, chia sẻ trong Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia. Đồng thời, dự thảo Nghị định cũng đã nêu nguyên tắc của việc thực hiện các dự án điều tra cơ bản phải đảm bảo tính kế thừa. Do đó, không có sự chồng chéo với pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Có ý kiến đề nghị quy định rõ trách nhiệm giữa Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Bộ Tài nguyên và Môi trường trong việc điều tra, đánh giá nguồn nước liên tỉnh trên địa bàn mà chưa thực hiện việc điều tra đánh giá tài nguyên nước.

Về vấn đề này, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã tiếp thu và chỉnh sửa trong dự thảo Nghị định theo hướng quy định rõ trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện hoạt động điều tra, đánh giá nguồn nước trên địa bàn quản lý; Bộ Tài nguyên và Môi trường thực hiện hoạt động điều tra, đánh giá nguồn nước liên tỉnh, liên quốc gia mà địa phương chưa thực hiện.

2. Các ý kiến về trình tự lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh quy hoạch có tính chất kỹ thuật chuyên ngành về tài nguyên nước

Bộ Nội vụ, Bộ Tư pháp đề nghị không quy định việc phân công nhiệm vụ của các đơn vị thuộc, trực thuộc thuộc trách nhiệm của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Về vấn đề này, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã tiếp thu và chỉnh sửa trong dự thảo theo hướng không quy định Cục Quản lý tài nguyên nước là cơ quan chủ trì tổ chức lập nhiệm vụ lập quy hoạch; lập quy hoạch; rà soát, điều

chính, đính chính quy hoạch, mà quy định chung đối với các đơn vị được giao lập quy hoạch.

3. Các ý kiến về hành lang bảo vệ nguồn nước

- Một số ý kiến đề nghị bổ sung giải thích khái niệm “mép bờ”, bổ sung chi tiết cách xác định mép bờ đối với đoạn sông, suối, kênh, rạch trên thực địa để xác định rõ phạm vi hành lang và thực hiện công tác cấm mốc. Về vấn đề này, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã tiếp thu và bổ sung giải thích khái niệm “mép bờ” trong dự thảo Nghị định để thống nhất áp dụng trên phạm vi cả nước.

- Một số ý kiến đề nghị giao tổ chức quản lý, vận hành hồ chứa chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi có hồ chứa thực hiện việc cấm mốc giới trên thực địa; bàn giao mốc giới cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có hồ chứa để quản lý, bảo vệ.

Về vấn đề này, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã chỉnh sửa theo hướng tổ chức, cá nhân thực hiện bàn giao mốc giới cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để phù hợp với quy định tại điểm a khoản 6 Điều 23 Luật Tài nguyên nước 2023. Đồng thời, bổ sung nội dung: *“căn cứ vào tình hình thực tế của từng địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện giao mốc giới cho Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có hồ chứa để quản lý, bảo vệ.”*

- Có ý kiến đề nghị không quy định nội dung về sử dụng đất trong hành lang bảo vệ nguồn nước tại dự thảo Nghị định và dẫn chiếu đến pháp luật về đất đai để thống nhất áp dụng. Bộ Tài nguyên và Môi trường đã tiếp thu và chỉnh sửa trong dự thảo Nghị định theo hướng dẫn chiếu đến pháp luật về đất đai như sau: *“Việc sử dụng đất trong hành lang bảo vệ nguồn nước được thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai”*.

4. Các ý kiến về ngưỡng khai thác, vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất

- Có ý kiến đề nghị bổ sung đối tượng hạn chế khai thác tài nguyên nước bao gồm cả các đối tượng phải kê khai, đăng ký khai thác nước dưới đất để hạn chế việc khai thác tràn lan, đặc biệt là tại khu vực có mực nước bị suy giảm quá mức, có nguy cơ sụt, lún đất, xâm nhập mặn. Về vấn đề này, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã tiếp thu và chỉnh sửa trong dự thảo Nghị định theo hướng bổ sung đối tượng hạn chế khai thác nước dưới đất bao gồm cả trường hợp phải cấp giấy phép và trường hợp phải đăng ký khai thác nước dưới đất.

- Có ý kiến đề nghị tích hợp bước lập phương án tổ chức thực hiện việc cấm, hạn chế khai thác nước dưới đất cùng với nội dung của Danh mục và Bản đồ phân vùng ngưỡng khai thác nước dưới đất, vùng cấm, hạn chế khai thác nước dưới đất (tùy thuộc điều kiện của từng địa phương). Bộ Tài nguyên và Môi trường đã tiếp thu và chỉnh sửa trong dự thảo Nghị định.

5. Các ý kiến về chuyển nước lưu vực sông

- Có ý kiến đề nghị rà soát lại Quy mô dự án chuyển nước theo diện tích lưu vực (giảm quy mô diện tích lưu vực tính đến vị trí chuyển nước do nhiều

vùng lưu vực sông, suối nhỏ nhưng vẫn có ảnh hưởng lớn đến khu vực dân cư ngay dưới khu vực hạ du như khu vực Tây Nguyên, Nam Trung Bộ). Về vấn đề này, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã rà soát và chỉnh sửa trong dự thảo Nghị định theo hướng quy định rõ hơn quy mô phải chấp thuận việc chuyển nước.

- Có ý kiến đề nghị bổ sung cơ quan lấy ý kiến là tổ chức lưu vực sông và các tỉnh liên quan. Bộ Tài nguyên và Môi trường đã bổ sung và chỉnh sửa trong dự thảo Nghị định theo hướng bổ sung lấy ý kiến của tổ chức lưu vực sông.

6. Các ý kiến về Danh mục hồ, ao, đầm phá không được san lấp

Có ý kiến đề nghị không quy định chi tiết cơ quan lấy ý kiến trước khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, tuy nhiên có ý kiến đề nghị bổ sung quy định việc đưa vào và đưa ra khỏi Danh mục hồ, ao đầm phá không được san lấp đều phải được Hội đồng nhân dân thông qua. Về vấn đề này, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã tiếp thu nhóm ý kiến thứ hai, theo đó đã chỉnh sửa, bổ sung vào dự thảo theo hướng Ủy ban nhân dân phải trước khi phê duyệt Danh mục và trước khi đưa ra khỏi Danh mục hồ, ao, đầm phá không được san lấp đều phải thông qua Hội đồng nhân dân.

7. Các ý kiến về tổ chức lưu vực sông, điều phối các hoạt động trên lưu vực sông

- Bộ Nội vụ, Bộ Tư pháp và Bộ Tài chính đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo làm rõ sự giống và khác nhau giữa Ủy ban lưu vực sông và Tổ chức lưu vực sông; thuyết minh căn cứ, cơ sở của việc quy định Ủy ban lưu vực sông trong dự thảo Nghị định.

Về vấn đề này, Bộ Tài nguyên và Môi trường thấy rằng khoản 5 Điều 81 Luật Tài nguyên nước đã giao Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động của tổ chức lưu vực sông, do đó Bộ Tài nguyên và Môi trường đã quy định nội dung này trong dự thảo Nghị định. Tuy nhiên, để tránh có nhiều cách hiểu khác nhau, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã tiếp thu và chỉnh sửa trong dự thảo Nghị định theo hướng quy định về tổ chức lưu vực sông là tổ chức phối hợp liên ngành do Thủ tướng Chính phủ thành lập được tổ chức dưới hình thức Ủy ban lưu vực sông. Đồng thời, khẳng định rõ Văn phòng Ủy ban lưu vực sông có nhiệm vụ giúp Ủy ban lưu vực sông thực hiện các nhiệm vụ được Ủy ban giao, sử dụng bộ máy và biên chế được giao của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Có ý kiến đề nghị thành lập các tổ chức lưu vực sông nhỏ hơn trực thuộc Ủy ban lưu vực sông để thuận lợi hơn trong quá trình điều phối, giám sát hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên nước và phòng chống tác hại do nước gây ra phù hợp với đặc thù riêng của từng lưu vực sông.

Về vấn đề này, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã tiếp thu và chỉnh sửa theo hướng quy định tùy thuộc vào tính chất đặc thù của lưu vực sông, trên cơ sở đề xuất của Ủy ban nhân dân các tỉnh trong lưu vực sông thuộc danh mục lưu vực sông liên tỉnh, Chủ tịch Ủy ban lưu vực sông có thể quyết định việc thành lập Tiểu ban lưu vực sông thuộc Ủy ban lưu vực sông.

8. Các ý kiến về quan trắc, giám sát khai thác, sử dụng tài nguyên nước

- Có ý kiến đề nghị bổ sung quy định việc giám sát lưu lượng của tất cả các đối tượng khai thác nước. Về vấn đề này, Bộ Tài nguyên và Môi trường thấy rằng việc giám sát hoạt động khai thác tài nguyên nước là việc kiểm soát hoạt động khai thác tài nguyên nước của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thông qua việc theo dõi số liệu quan trắc khai thác tài nguyên nước của các cơ sở khai thác tài nguyên nước. Do đó, quy định việc giám sát hoạt động khai thác tài nguyên nước đối với các đối tượng khai thác tài nguyên nước với quy mô nhỏ thuộc trường hợp kê khai, đăng ký sẽ dẫn đến phát sinh chi phí cho doanh nghiệp. Do đó, đề nghị không mở rộng đối tượng phải giám sát lưu lượng nước trong dự thảo Nghị định.

- Có ý kiến đề nghị rà soát, sửa đổi quy định quy mô công trình khai thác nước dưới đất phải lắp đặt thiết bị quan trắc tự động lưu lượng, mực nước trong từng giếng khoan. Bộ Tài nguyên và Môi trường đã chỉnh sửa trong dự thảo Nghị định theo hướng nâng quy mô công trình phải lắp đặt thiết bị quan trắc tự động lưu lượng, mực nước trong từng giếng khoan để phù hợp với điều kiện thực tế.

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề nghị không quy định việc giám sát tự động, trực tuyến đối với công trình cấp nước cho mục đích sinh hoạt khu vực nông thôn có quy mô nhỏ hơn 3.000 m³/ngày đêm (nên quy định giám sát định kỳ đối với loại công trình này). Về vấn đề này, Bộ Tài nguyên và Môi trường thấy rằng dự thảo Nghị định chỉ quy định giám sát tự động, trực tuyến đối với công trình khai thác nguồn nước dưới đất cấp cho mục đích sinh hoạt có quy mô từ 5.000 m³/ngày đêm trở lên. Do đó, đối với các trường hợp nêu trên thì thực hiện giám sát định kỳ.

VII. Ý KIẾN THẨM ĐỊNH CỦA BỘ TƯ PHÁP

Ngày ..., Bộ Tài nguyên và Môi trường có Công văn số .../BTNMT-TNN gửi hồ sơ dự thảo Nghị định đến Bộ Tư pháp thẩm định. Ngày ..., Bộ Tư pháp đã tổ chức Hội đồng thẩm định với sự tham gia của đại diện các Bộ, ngành, cơ quan, đơn vị gồm: Bộ Công Thương, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Xây dựng, Bộ Tài chính... Ngày ..., Bộ Tư pháp đã có ý kiến thẩm định dự thảo Nghị định tại Báo cáo số .../BCTĐ-BTP.

Về cơ bản, Bộ Tư pháp đồng ý với sự cần thiết ban hành, bố cục và nội dung dự thảo Nghị định. Những ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường nghiên cứu, giải trình, tiếp thu, chỉnh sửa trực tiếp vào dự thảo Nghị định (*chi tiết tại Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp đối với dự thảo Nghị định Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên nước*).

VIII. VẤN ĐỀ XIN Ý KIẾN CHÍNH PHỦ

Tổng hợp ý kiến góp ý của các Bộ, ngành và địa phương cho thấy, về cơ bản các ý kiến thống nhất với phạm vi điều chỉnh, bố cục và những nội dung cơ

bản của dự thảo Nghị định. Tuy nhiên, còn một số nội dung quy định còn có những ý kiến trái chiều, vì vậy, Bộ Tài nguyên và Môi trường xin ý kiến của Chính phủ đối với việc bổ sung một số nội dung sau:

...

Trên đây là Tờ trình về việc ban hành Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên nước, Bộ Tài nguyên và Môi trường kính trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, ban hành Nghị định./.

(Hồ sơ gửi kèm theo gồm: dự thảo Tờ trình; dự thảo Nghị định; Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của các bộ, ngành, địa phương, các tổ chức có liên quan; Báo cáo rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến dự thảo Nghị định; Báo cáo đánh giá tác động của chính sách; Bản đánh giá tác động thủ tục hành chính; Bản sao ý kiến của các bộ, các địa phương, tổ chức, cá nhân có liên quan)./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- PTTg CP Trần Hồng Hà (để báo cáo);
- Bộ trưởng Đặng Quốc Khánh (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Các Thứ trưởng;
- Lưu: VT, PC, TNN.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Lê Công Thành